Câu hỏi ôn tập tiếng Việt lớp A - Học kì 1

1. Chọn những từ **đúng chính tả**!

a. bé chai	b. bé trai	c. bé tray
a. xe mái	b. se máy	c. xe máy
a. đám mây	b. dám mây	c. đám may
a. hôm lay	b. hom nay	c. hôm nay
a. bàn tai	b. bàn tay	c. bàn tây
a. con káo	b. kon cáo	c. con cáo
a. cá xấu	b. cá sấu	c. ká sấu
a. tầy giáo	b. thầy dáo	c. thầy giáo
a. bó rau	b. bó dau	c. bó giau
a. nhảy giây	b. nhảy dây	c. nhảy rây

2. **CON** hay **CÁI**?

a. _____ mèo
b. _____ voi
c. _____ bàn
d. _____ cây
e. _____ phao
f. _____ mắt
g. _____ chó
h. _____ chăn
i. _____ nón
j. _____ nhà

3. Chọn câu phù hợp với câu **„Em bé hay vẽ."** !

a. Em bé sợ vẽ.
b. Em bé thích vẽ.
c. Em bé không thích vẽ.

4. **„ Miu Nguyễn thích ăn cá và đi biển "** nghĩa là:

a. Miu Nguyễn thích ăn cá và sợ đi biển.
b. Miu Nguyễn không thích ăn cá và thích đi biển.
c. Miu Nguyễn thích ăn cá, Miu Nguyễn cũng thích đi biển.

LIVEWORKSHEETS

5. Chọn câu **đúng**!

a. Mẹ **gọi**: „Con đi đâu đấy?"
b. Mẹ **hỏi**: „Con đi đâu đấy?"
c. Mẹ **nói**: „Con đi đâu đấy?"

6. Sắp xếp thành câu!

em / là / tôi / Đây / gái .

_____

7. Em chào **anh trai của bố em**?

a. Em chào anh ạ!
b. Cháu chào chú ạ!
c. Cháu chào bác ạ!

8. Em chào **cô giáo của em**?

a. Cháu chào cô ạ!
b. Em chào cô ạ!
c. Cháu chào dì ạ!

9. **„Tôi thích vẽ, tôi cũng thích bơi. "** nghĩa là:

a. Tôi thích vẽ, tôi không thích bơi.
b. Tôi thích vẽ, nhưng tôi sợ bơi.
c. Tôi thích vẽ và tôi thích bơi.

10. Đánh dấu (X) vào những câu **không đúng**!

a. Em gọi **em gái của bố em** là **"dì"**.
b. Em gọi **anh trai của mẹ em** là **"bác"**.
c. Em gọi **em trai của mẹ em** là **"cậu".**
d. Em gọi **em gái của bố em** là **"cô"**.
e. Em gọi **em trai của bố em** là **"bác"**.
f. Em gọi **chị gái của bố em** là **"bác"**.
g. Em gọi **em gái của mẹ em** là **"dì"**.
h. Em gọi **em trai của bố em** là **"chú"**.

LIVEWORKSHEETS